

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2019/DS-ST**
Ngày: 12-11-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Bình
2. Ông Nguyễn Thanh Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hồ Văn H**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019, biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Hồ Văn H trình bày:*

Ngày 14/12/2016 ông có cho chỉ anh Nguyễn Văn T mượn (vay không lãi) số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay anh T có viết biên nhận nhận nợ giao cho ông giữ. Sau khi vay đến ngày 17 tháng 02 năm 2017 anh T đã trả được 40.000.000

đồng thì không trả nữa, ông có đòi nhiều lần nhưng anh T vẫn không trả số tiền còn lại.

Số tiền anh T mượn ông nhằm mục đích để đáo hạn tiền vay giùm người khác (không xác định được người nào), tuy biên nhận nhận nợ không thỏa thuận thời hạn trả nhưng giữa ông và anh T có thỏa thuận bên ngoài, anh T mượn số tiền 200.000.000 đồng trong hạn 07 ngày sẽ trả lại ông, nhưng do việc thỏa thuận này không lập thành văn bản.

Lý do số tiền anh T đã trả ông không nêu trong đơn khởi kiện là gì ông căn cứ vào biên nhận nhận nợ anh T đã ký với ông.

Nay chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho ông số tiền mượn (vay không lãi) còn thiếu là 160.000.000 đồng, đồng thời phải trả lãi theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 từ ngày 18 tháng 02 năm 2017 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh xác định và thừa nhận vào thời gian nào không nhớ anh có mượn (vay không lãi) của ông Hồ Văn H 200.000.000 đồng, hẹn 01 tháng trả. Tuy nhiên sau khi mượn khoảng 05 đến 07 ngày sau đã trả ông H được 70.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 130.000.000 đồng. Do anh là cổ đông của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên khoảng 03 đến 04 tháng sau ông H có đến Quỹ tín dụng và giữa anh, ông H cùng bà Nguyễn Thị L là Giám đốc Quỹ tín dụng có thỏa thuận Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang trả tiền mượn của anh còn thiếu đối với ông H là 130.000.000 đồng từ tiền cổ phần của anh. Do đó, anh xác định hiện không còn nợ ông H nên theo yêu cầu của ông H nêu ra thì anh không đồng ý trả đồng nào.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn ông Hồ Văn H có ý kiến: Yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T trả số tiền vay gốc còn nợ là 160.000.000 đồng và lãi theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 từ ngày 18 tháng 02 năm 2017 đến hôm nay là ngày 12 tháng 11 năm 2019, chỉ tính tròn 32 tháng.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn ông Hồ Văn H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn H, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T trả cho ông H tổng số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày 12/11/2019 là 202.496.000 đồng, trong đó: tiền vay gốc 160.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 12/11/2019 là 42.496.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn anh Nguyễn Văn T biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn ông Hồ Văn H. Nhưng bị đơn anh T không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh T, mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh T vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn đơn anh T (đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử), nhưng đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do, nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đơn anh T, nhưng bị đơn đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình thừa nhận của các đương sự có đủ cơ sở để xác định giữa ông Hồ Văn H và anh Nguyễn Văn T đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi (mượn) với nhau. Theo đó vào ngày 14/12/2016 ông Hồ Văn H cho anh Nguyễn Văn T mượn (vay không lãi) 200.000.000 đồng, thỏa thuận 01 tháng trả, việc mượn tiền giữa hai bên anh T có làm biên nhận giao cho ông H giữ.

Theo bị đơn anh T cho rằng sau khi vay đã trả được trực tiếp cho nguyên đơn ông H nhận 70.000.000 đồng, còn lại 130.000.000 đồng Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã trả thay cho anh xong.

Tuy nhiên, lời trình bày của bị đơn anh T không được nguyên đơn ông H thừa nhận, theo ông H sau khi vay đến ngày 17/02/2017 bị đơn anh T chỉ trả trực tiếp cho ông nhận 40.000.000 đồng, còn lại 160.000.000 đồng đến nay chưa trả

đồng nào. Đồng thời, chính bản thân anh T xác định việc anh trả 70.000.000 đồng cho ông H thì ông H không viết biên nhận cho anh, cũng không ai chứng kiến; còn việc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang trả nợ cho ông H thay anh số tiền 130.000.000 đồng cũng không có cơ sở chứng minh. Bởi, qua biên bản xác minh thực tế thì xác định được Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang không lần nào trả nợ thay anh T cho bất kỳ ai (bút lục số 35). Như vậy, bị đơn anh T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H buộc bị đơn anh T phải trả cho ông H số tiền vay còn thiếu là 160.000.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của ông H đòi anh T phải trả lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 từ ngày 18/02/2017 đến nay đối với 160.000.000 đồng tiền vay còn thiếu là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ. Vì, từ ngày 17/02/2017 anh T chỉ trả cho ông H được 40.000.000 đồng trong tổng số 200.000.000 đồng như đã phân tích như trên, trong khi hợp đồng vay tài sản (mượn) giữa hai bên có thỏa thuận thời hạn trả gốc là 01 tháng. Như vậy xác định được kể từ ngày 18/02/2017 đến nay anh T đã không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho ông H mặc dù ông H có đòi nhiều lần. Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“.....có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”* mà mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 là 20%/năm, như vậy mức lãi suất trong trường hợp này được xác định là 10%/năm = 0,83%/tháng.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, thì số tiền lãi ông H yêu cầu được tính toán cụ thể như sau:

- Thời gian từ ngày 18/02/2017 đến ngày 12/11/2019 là 32 tháng 25 ngày. Nhưng nguyên đơn ông H chỉ yêu cầu tính tròn 32 tháng.

- Số tiền lãi là: 42.496.000đ ($160.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 32 tháng$)

Từ các phân tích trên xác định, nay anh T có trách nhiệm phải trả cho ông H số tiền vay gốc và lãi do chậm trả tiền vay tổng cộng là **42.496.000đ** (Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Theo nguyên đơn ông H xác định chỉ khởi kiện anh T phải trả nợ cho ông, bởi việc mượn tiền (vay không lãi) của anh T nhằm

mục đích để anh T đảo hạn tiền vay giùm người khác (không xác định được người nào), chứ không sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình của anh T, do đó trong vụ việc này chỉ anh T là người chịu trách nhiệm trả nợ cho ông H.

Vì vậy, nay anh T phải có trách nhiệm trả ông H số tiền vay còn thiếu là **202.496.000đ** (*Hai trăm linh hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), trong đó: tiền vay gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 42.496.000 đồng, vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 10.124.800 đồng (202.496.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho nguyên đơn ông Hồ Văn H số tiền là **202.496.000đ** (*Hai trăm linh hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), trong đó: tiền vay gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 42.496.000 đồng còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Hồ Văn H, nếu anh Nguyễn Văn T không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho ông H thì hàng tháng anh T còn phải trả tiền lãi cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 10.124.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Hồ Văn H **5.000.000** đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006491 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/11/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh